TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số:70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 11 - 2019
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên
Ông Phan Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Địa chỉ liên lạc: Số 86, đường Ng, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hùng T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(Chị H có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Trịnh Thị Mỹ H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Chị Trịnh Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hùng T chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn cả hai sống tại tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chi H có khuyên nhủ anh T về

với gia đình nhưng anh T vẫn không chấm dứt mối quan hệ bất chính này. Hiện chúng vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không cùng sinh hoạt gia đình chung, không ăn cơm chung và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm không còn, Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 06/6/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003. Ly hôn Chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Hùng T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì:

Anh Nguyễn Hùng T và chị Trịnh Thị Mỹ H chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn cả hai sống tại tổ 19, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chi Hạnh biết và từ đó không còn tin tưởng nhau. Hiện tại, vợ chồng vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau; không sinh hoạt gia đình chung. Nguyện vọng của anh T muốn gia đình được đoàn tụ, nhưng Chị H cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 06/6/2000 và Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003. Ly hôn ai nuôi con thì tùy vào nguyện vọng của con; về cấp dưỡng nu6o con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì anh T xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hùng T. Đồng thời, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003 cho đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Mỹ H. Cho Chị H được ly hôn với anh T; giao con chung là Nguyễn Hoàng Xuân Hoa, sinh ngày 04/02/2003 cho Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Nguyễn Hùng T có trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Mỹ H và có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Trịnh Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hùng T kết hôn vào năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn cả hai sống tại tổ 19, Phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng; không quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Anh T cũng đồng ý ly hôn với Chị H, đồng thời có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt; điều kiện hàn gắn tình cảm là khó có thể thực hiện; mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H, cho Chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Cả hai xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 06/6/2000 và Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003. Ly hôn, Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003 cho đến tuổi trưởng thành, anh T yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con, nên giao con chung là Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Chị H và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Cả hai xác định không có, nên không xem xét.

[7] *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Mỹ H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 54; 56; 81và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Xin ly hôn"* của chị Trịnh Thị Mỹ H. Chị Trịnh Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hùng T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Xuân H, sinh ngày 04/02/2003 đến tuổi thành niên.

Việc quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* Chị H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0012361 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị H đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS T.P Đà Lạt;*
- *Thi hành án;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai;*
- *Lưu HS, THA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 12 tháng 11 năm 2019

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: - Nguyễn Thị Thanh Duyên

- Ông Phan Ngọc Hòa

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, về việc *"Xin ly hôn"* giữa nguyên đơn chị **Trịnh Thị Mỹ H** và bị đơn anh **Nguyễn Hùng T**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến của HTND Duyên: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và căn cứ yêu cầu khởi kiện của Chị H có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Xin ly hôn"*.

+ Ý kiến của HTND Hòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Duyên.

+ Ý kiến của chủ toạ: Thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

2/ Về đường lối giải quyết:

+ Ý kiến của HTND Hòa:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; anh T cũng đồng ý ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu của Chị H. Cho Chị H và anh T được ly hôn với nhau.

- ***Về con chung:*** Giao cho chị Trịnh Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Xuân Hoa, sinh ngày 04/02/2003 đến tuổi thành niên.

+ Ý kiến của HTND Duyên: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Hòa.

+ Ý kiến của chủ toạ: Thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

3/ Về các vấn đề khác:

+ Ý kiến của HTND Duyên:

- Về án phí: Chị Trịnh Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* Chị H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0012361 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị H đã nộp đủ.

- Tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

+ Ý kiến của HTND Hòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Duyên.

+ Ý kiến của chủ toạ: Thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ 00 phút, ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hòa - Nguyễn Thị Thanh Duyên Nguyễn Thị Huyền